

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16/7/2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Huy

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Đức Danh

Ông Nguyễn Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 39/2025 ngày 22 tháng 5 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/7/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Q** - Sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn C, xã X, tỉnh Thanh Hóa.

Có đơn xin xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Đỗ Xuân H** - Sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn C, xã X, tỉnh Thanh Hóa.

Có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Xuân H tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã X, tỉnh Thanh Hoá ngày 08/6/2009. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2018. Nguyên nhân do: Tính cách không hợp, quan điểm sống không giống nhau nên vợ chồng thường xảy ra xung đột, to tiếng, xúc phạm nhau.

Xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng; đời sống chung thực tế đã không còn nên chị Lê Thị Q đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Xuân H.

Về con chung: Chị và anh Đỗ Xuân H có 02 con chung là cháu Đỗ Xuân H1, sinh ngày 17/02/2010 và Đỗ Thị Thùy D, sinh ngày 17/8/2011. Hiện cả hai cháu đều đang ở với chị và phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ. Khi ly hôn chị Q đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai cháu H1 và D. Chị Q yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi 02 con chung cùng chị mỗi cháu một tháng 750.000 đồng

Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Lê Thị Q còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Đơn khởi kiện ngày 22/5/2025; Trích lục kết hôn; Bản sao giấy khai sinh của Đỗ Xuân H1 và Đỗ Thị Thùy D; Căn cước công dân của chị Lê Thị Q và anh Đỗ Xuân H (bản sao có chứng thực); Giấy xác nhận thông tin về cư trú của vợ chồng; Đơn đề nghị không tiến hành hoà giải đối thoại; Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 22/5/2025; Đơn đề nghị của cháu Đỗ Xuân H và Đỗ Thị Thùy D; Bản tự khai; và Đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Tại Bản tự khai ngày 27/5/2025 và Bản tự khai bổ sung ngày 18/6/2025*, bị đơn là anh Đỗ Xuân H thừa nhận cơ sở kết hôn và tình trạng hôn nhân của vợ chồng đúng như chị Q đã trình bày trình bày. Anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn; hai người đã sống ly thân đã 08 năm mà không thể hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn chị Lê Thị Q. Về con chung, anh H công nhận số con chung của vợ chồng như chị Q đã trình bày. Khi ly hôn, anh H đồng ý để chị Q trực tiếp nuôi cả hai cháu Đỗ Xuân H1 và và Đỗ Thị Thùy D. Anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q mỗi cháu một tháng 750.000 đồng. Về tài sản và công nợ, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo bản tự khai ngày 27/5/2025, Bản tự khai bổ sung ngày 18/6/2025. Anh H còn nộp cho Tòa án Đơn xin giải quyết vắng mặt; trong đơn anh giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong Bản tự khai đã nộp cho Tòa án.

* *Tại Đơn đề nghị ngày 23/5/2025 của cháu Đỗ Thị Thùy D và Đơn đề nghị ngày 26/5/2025 của cháu Đỗ Xuân H*, cả hai cháu đều trình bày nguyện vọng được ở với chị Lê Thị Q.

* *Tại phiên tòa:* Chị Lê Thị Q và anh Đỗ Xuân H đều có đơn xin xử vắng mặt.

Phản tranh luận: Không ai có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự là về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn xã X, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị Q và anh H đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật TTDS Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa tiến hành xét xử vắng mặt chị Q và anh H.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Q và anh Đỗ Xuân H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X ngày 08/6/2009 nên hôn nhân giữa chị Q và anh H là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2018. Nguyên nhân do: Tính cách không hợp, quan điểm sống không giống nhau nên vợ chồng thường xảy ra xung đột, to tiếng, xúc phạm nhau. Chị Q và anh H đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Q và anh H đều có nguyện vọng được ly hôn. Vì vậy, nghĩ nên ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Q và anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị Lê Thị Q và anh Đỗ Xuân H có 02 con chung là cháu Đỗ Xuân H1, sinh ngày 17/02/2010 và Đỗ Thị Thùy D, sinh ngày 17/8/2011. Chị Q, anh H đều yêu cầu giao cho chị Q trực tiếp nuôi cả hai cháu H1 và D, anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q mỗi cháu một tháng 750.000 đồng. Xét thấy yêu cầu của chị Q trùng khớp với nguyện vọng của anh H và ý kiến của các con chưa thành niên, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị Q và anh H là phù hợp.

[5] Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị Q và anh Đỗ Xuân H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] *Về án phí:* Lê Thị Q là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Đỗ Xuân H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị:* Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa, nhân dân Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào: Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Q, cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Q được ly hôn anh Đỗ Xuân H.

Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung của chị và anh Đỗ Xuân H là: cháu Đỗ Xuân H1, sinh ngày 17/02/2010 và cháu Đỗ Thị Thùy D, sinh ngày 17/8/2011. Anh Đỗ Xuân H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lê Thị Q mỗi cháu một tháng 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng); thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2025 cho đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi.

Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí:

- Anh Đỗ Xuân H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Chị Lê Thị Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí chị Q phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0005614 ngày 22/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự (cũ) tỉnh Thanh Hóa; chị Q đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9;
- UBND xã Xuân Du;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA DS (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Đình Huy